

Số: 649/HD-BCH

Uông Bí, ngày 15 tháng 8 năm 2018

HƯỚNG DẪN

Lập bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ

Thực hiện Hướng số 3464/HD-PCT ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh về Lập bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ. Ban CHQS thành phố Uông Bí hướng dẫn việc lập bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG, BIỆN PHÁP RÀ SOÁT, XÁC MINH, KẾT LUẬN THÔNG TIN MỘ LIỆT SĨ; KẾT LUẬN ĐỊA BÀN

1. Trách nhiệm

Ban CHQS thành phố là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể có liên quan (Phòng Lao động - Thương binh và xã hội, Công an, Trung tâm truyền Thông văn hóa, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, Ban quản lý nghĩa trang,...), giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức xác minh, kết luận thông tin nơi hy sinh, chôn cất ban đầu liệt sĩ trên địa bàn; kiểm đếm, lập danh sách mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ và mộ liệt sĩ do gia đình quản lý; kết luận địa bàn phục vụ lập bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

2. Nội dung, biện pháp rà soát, kết luận thông tin nơi hy sinh, chôn cất ban đầu liệt sĩ trên địa bàn

a) Ban Chỉ huy quân sự thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các Ban, ngành, đoàn thể, địa phương có liên quan (đặc biệt là phối hợp chặt chẽ với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) thu thập, rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ liệt sĩ, mộ liệt sĩ thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý;

- Tiếp nhận, so sánh, đối chiếu danh sách liệt sĩ theo nơi hy sinh, chôn cất ban đầu trên địa bàn thành phố do Bộ CHQS tỉnh chuyển giao;

- Tổng hợp, phân tích các thông tin khác về liệt sĩ, mộ liệt sĩ do các tổ chức, cá nhân cung cấp;

- Tổng hợp số lượng; lập danh sách liệt sĩ theo nơi hy sinh, chôn cất ban đầu trên địa bàn thành phố theo từng xã, phường;

- Chuyển danh sách liệt sĩ theo nơi hy sinh, chôn cất ban đầu trên địa bàn; hồ sơ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ (nếu có) và chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức tập huấn cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã rà soát, bổ sung, xác minh, kết luận thông tin nơi hy sinh, chôn cất ban đầu liệt sĩ trên địa bàn.

b) Ban Chỉ huy quân sự xã, phường

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể có liên quan phát động các tổ chức, các nhân cung cấp thông tin nơi hy sinh, chôn cất ban đầu liệt sĩ trên địa bàn; mộ liệt sĩ ngoài nghĩa trang liệt sĩ; chỉ đạo các thôn xóm, tổ dân phố phát phiếu cung cấp, thăm dò thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ đến từng hộ gia đình (Mẫu số 01 PTTLS kèm theo).

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, phường rà soát, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, sơ đồ mộ trí, danh sách liệt sĩ thuộc xã quản lý;
- Tiếp nhận, so sánh, đối chiếu danh sách liệt sĩ theo nơi hy sinh, chôn cất ban đầu trên địa bàn; hồ sơ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ (nếu có) do Ban CHQS thành phố cung cấp;
- Tổng hợp, phân tích các thông tin khác về liệt sĩ, mộ liệt sĩ do các tổ chức, cá nhân cung cấp;
- Tổng hợp số lượng, lập danh sách liệt sĩ theo nơi hy sinh, chôn cất ban đầu trên địa bàn từng thôn, xóm, tổ dân phố;
- Chuyển danh sách liệt sĩ theo nơi hy sinh, chôn cất ban đầu trên địa bàn; hồ sơ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ (nếu có) đến các thôn, xóm, tổ dân phố để rà soát, bổ sung, xác minh, kết luận thông tin nơi hy sinh, chôn cất ban đầu liệt sĩ trên địa bàn.
- Hết quý IV năm 2018, có ít nhất 80% số xã, phường hoàn thành lập bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

3. Nội dung, biện pháp kiểm đếm, lập danh sách mộ liệt sĩ

a) Mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ

- Tổng số mộ trong nghĩa trang;
- Địa bàn quy tập: Nơi chôn cất ban đầu theo địa bàn thôn, xã....;
- Đơn vị quy tập (ghi rõ tổ chức nào hay do gia đình quy tập);
- Thời gian quy tập;
- Số mộ có đầy đủ thông tin (cụ thể thông tin trên mộ);
- Số mộ có một phần thông tin;
- Số mộ chưa có thông tin;
- Mộ tập thể hay mộ lẻ.

b) Mộ liệt sĩ do gia đình chăm sóc, quản lý

- Tổng số mộ;
- Địa bàn quy tập: Nơi chôn cất ban đầu theo địa bàn thôn, xã....;
- Đơn vị quy tập (ghi rõ tổ chức nào hay do gia đình quy tập);
- Thời gian quy tập;
- Vị trí an táng từng mộ

c) Mộ liệt sĩ đã di chuyển về địa phương khác

- Tổng số mộ;
- Địa bàn quy tập: Nơi chôn cất ban đầu theo địa bàn thôn, xã....;
- Đơn vị quy tập (ghi rõ tổ chức nào hay do gia đình quy tập);
- Thời gian di chuyển;
- Địa phương di chuyển đến (cụ thể từ nghĩa trang liệt sĩ nào di chuyển đến, địa danh an táng do gia đình quản lý).

4. Kết luận địa bàn

Trên cơ sở kết quả rà soát, xác minh, kết luận thông tin nơi hy sinh, chôn cất ban đầu liệt sĩ trên địa bàn; trình tự các cấp từ thôn đến cấp xã, phường, thành phố tổ chức hội nghị kết luận địa bàn, phục vụ lập bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ của cấp mình.

4.1. Hội nghị kết luận địa bàn cấp thôn, xóm, tổ dân phố (sau đây viết tắt là Hội nghị cấp thôn)

a) *Chủ trì hội nghị cấp thôn: Lãnh đạo thôn.*

b) *Thành phần tham gia gồm:* Đại biểu Lãnh đạo xã (là thành phần bắt buộc), đại diện các ban, ngành, đoàn thể: Ban công tác mặt trận thôn, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Người cao tuổi thôn, người cung cấp thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ hoặc (các thông tin có liên quan về liệt sĩ, mộ liệt sĩ còn lưu giữ).

c) *Nội dung:* Hội nghị cần kết luận được các nội dung sau:

- Danh sách liệt sĩ chôn cất ban đầu trên địa bàn (tổng số mộ liệt sĩ có thông tin, không có thông tin);

- Số lượng mộ liệt sĩ đã tìm kiếm, quy tập trên địa bàn (mộ liệt sĩ có thông tin, không có thông tin);

- Số lượng mộ liệt sĩ chưa tìm kiếm, quy tập trên địa bàn (có thông tin về mộ liệt sĩ hay không có thông tin về mộ liệt sĩ);

- Khu vực, địa bàn có mộ liệt sĩ, đã tìm kiếm, quy tập xong, trong đó:

+ Đã đưa vào nghĩa trang liệt sĩ địa phương (tổng số mộ, ngày, tháng, năm quy tập);

+ Đưa về do gia đình quản lý, chăm sóc (tổng số mộ; ngày, tháng, năm quy tập, có hồ sơ tìm kiếm, quy tập hay không);

+ Đã bàn giao đi địa phương, nghĩa trang khác (tổng số mộ; ngày, tháng, năm quy tập; có hồ sơ tìm kiếm, quy tập hay không);

- Khu vực, địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ, đã tìm kiếm, quy tập nhưng chưa hết, cần phải tiếp tục tìm kiếm, quy tập;

- Khu vực, địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ nhưng chưa tổ chức tìm kiếm, quy tập;

- Khu vực, địa bàn đã tìm kiếm, quy tập nhưng chưa có kết quả;

- Khu vực, địa bàn không rõ thông tin (gọi là vùng mờ);

- Khu vực, địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ nhưng chồng lấn địa giới hành chính với địa phương khác.

d) *Lập biên bản hội nghị báo cáo Ban CHQS xã (mẫu 02/BBKLMLS kèm theo);*

* *Ghi chú: Mỗi xã, phường chọn 01 - 02 thôn tổ chức hội nghị kết luận địa bàn trước để rút kinh nghiệm, sau đó triển khai cho các thôn còn lại.*

4.2. Hội nghị kết luận địa bàn cấp xã, phường (sau đây gọi tắt là Hội cấp xã)

Trên cơ sở kết quả hội nghị kết luận địa bàn cấp thôn; Ban CHQS xã tổng hợp làm cơ sở báo cáo tại hội nghị cấp xã; Ủy ban nhân dân xã tổ chức hội nghị kết luận địa bàn trong xã.

a) *Chủ trì hội nghị cấp xã: Lãnh đạo UBND xã.*

b) *Thành phần gồm:* Đại biểu Ban CHQS thành phố (là thành phần bắt buộc), đại diện các ban, ngành, đoàn thể của xã: Quân sự, Công an, Lao động - thương binh và xã hội, Mặt trận tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Người cao tuổi, Bí thư chi bộ, trưởng thôn, người cung cấp thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ (các thành phần khác do chủ trì hội nghị quy định);

c) *Nội dung:* Thực hiện theo quy định tại Mục c, điểm 4.1 khoản này.

d) *Lập biên bản hội nghị báo cáo Ban CHQS thành phố (mẫu 02/BBKLMLS);*

4.3. Hội nghị kết luận cấp thành phố

Trên cơ sở kết quả hội nghị kết luận địa bàn của các xã; Ban CHQS thành phố tổng hợp làm cơ sở báo cáo tại hội nghị cấp thành phố; UBND thành phố tổ chức hội nghị kết luận địa bàn trong thành phố.

a) *Chủ trì hội nghị cấp huyện:* Lãnh đạo UBND thành phố.

b) *Thành phần gồm:* Đại biểu Bộ CHQS tỉnh (là thành phần bắt buộc), Đại diện các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể: Quân sự, Công an, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội, Mặt trận Tổ quốc, Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Đài Phát thanh truyền hình; thành phần khác do chủ trì hội nghị quy định.

c) *Nội dung:* Thực hiện theo quy định tại Mục c, điểm 4.1 khoản này.

d) *Lập biên bản hội nghị báo cáo Bộ CHQS tỉnh (mẫu 02/BBKLMLS);*

Lưu ý: Nếu như trong trường hợp có thông tin mộ, khu mộ liệt sĩ ở địa bàn có giáp ranh, chồng lấn giữa các thôn, xã, thành phố thì UBND cấp trên trực tiếp tổ chức hội nghị liên thôn, liên xã, liên thành phố để thống nhất kết luận địa bàn, lập biên bản hội nghị, báo cáo theo quy định.

II. CĂN CỨ, NỘI DUNG, TRÌNH TỰ LẬP BẢN ĐỒ

1. Căn cứ lập bản đồ

a) *Nguyên tắc*

Bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ phản ánh kết quả công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ: Khu vực, địa bàn có mộ liệt sĩ, đã tìm kiếm quy tập xong; khu vực, địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ, đã tìm kiếm, quy tập nhưng chưa hết, cần tiếp tục tìm kiếm, quy tập; khu vực, địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ nhưng chưa tổ chức tìm kiếm, quy tập; khu vực địa bàn đã tìm kiếm, quy tập nhưng chưa có kết quả; khu vực địa bàn không rõ thông tin (gọi là vùng mờ); khu vực địa bàn có nghĩa trang liệt sĩ.

Bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ được lập trên nền bản đồ địa hình VN-2000 do Cục Bản đồ/BTTM sản xuất, cung cấp. Bản đồ được lập theo địa giới hành chính ở 3 cấp (xã, huyện, tỉnh); do cơ quan quân sự các cấp chủ trì, giúp UBND cấp mình thực hiện lập bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ của địa phương.

b) *Căn cứ lập bản đồ*

- Địa giới hành chính theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Kết quả rà soát, xác minh, kết luận thông tin nơi hy sinh, chôn cất ban đầu liệt sĩ trên địa bàn; kết quả hội nghị kết luận địa bàn.

- Thực tiễn công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; công tác quản lý mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ của địa phương.

c) *Tỷ lệ bản đồ*

- Cấp xã, huyện: 1/25.000; khu vực không có bản đồ 1/25.000 thì dùng bản đồ 1/50.000 VN-2000; đối với các xã, phường có diện tích nhỏ sử dụng bản đồ tỷ lệ 1/10.000 hoặc lớn hơn (khi in kết quả thu về tỷ lệ tương ứng với tờ A3, A2)

- Cấp tỉnh: 1/50.000 hoặc 1/100.000 VN-2000 (tùy theo phạm vi của tỉnh, in kết quả thu về khổ A1).

d) *Ký hiệu màu sắc*

Theo quy định thống nhất của Cục bản đồ/BTTM.

2. Nội dung bản đồ

Bản đồ tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sĩ thể hiện đầy đủ các yếu tố có liên quan đến nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

- Số liệu thống kê:
 - + Danh sách (tổng số) liệt sĩ chôn cất ban đầu trên địa bàn;
 - + Tổng số lượng mộ liệt sĩ đã tìm kiếm, quy tập trên địa bàn;
 - + Số lượng mộ liệt sĩ chưa tìm kiếm, quy tập trên địa bàn
- Thông tin hiện trạng tìm kiếm, quy tập:
 - + Khu vực, địa bàn có mộ liệt sĩ, đã tìm kiếm, quy tập xong;
 - + Khu vực, địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ, đã tìm kiếm, quy tập nhưng chưa hết, cần tiếp tục quy tập, tìm kiếm;
 - + Khu vực, địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ nhưng chưa tổ chức tìm kiếm, quy tập;
 - + Khu vực, địa bàn đã tìm kiếm, quy tập nhưng chưa có kết quả;
 - + Khu vực, địa bàn không rõ thông tin (vùng mờ);
 - + Khu vực địa bàn có nghĩa trang liệt sĩ.
- Tổ chức lực lượng, phương tiện tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.
- Các yếu tố khác có liên quan.

3. Trình tự lập bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ

- Bước 1: Tổng số liệt sĩ trên địa bàn (danh sách tên từng liệt sĩ);
- Bước 2: Rà soát, xác minh, kết luận thông tin nơi hy sinh, chôn cất ban đầu liệt sĩ trên địa bàn (theo Khoản 2, Mục I, hướng dẫn này);
- Bước 3: Kiểm đếm, lập danh sách mộ liệt sĩ (theo Khoản 3, Mục I, hướng dẫn này);
- Bước 4: Kết luận địa bàn (theo Khoản 4, Mục I, hướng dẫn này);
- Bước 5: Đối chiếu, xác định vị trí, kết luận thông tin mộ liệt sĩ trên thực địa.

Cụ thể bước 5 lập Maket bản đồ TKQT HCLS thực hiện như sau:

Một là: Tô bo lên ranh giới hành chính cấp xã trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25000, sử dụng bút dạ lực nét 2mm, màu tím.



Hình ảnh 1: Xác định ranh giới xã và vị trí đứng trên bản đồ

- + Sông, suối;
- + Núi, điểm cao, đồi, gò, khe;
- + Cánh rừng, cây độc lập và các vật chuẩn khác.
- + Các hộ dân xung quanh (vị trí, tên chủ hộ và số điện thoại liên hệ);
- Thông tin về nhân chứng (họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ)
- Vẽ vị trí từng phần mộ (nếu có).
- Các thông tin phụ trợ riêng (nếu có) như: Thời gian chôn cất; độ sâu ban đầu (độ sâu khi quy tập); có hay không có biến đổi địa hình, thủy văn khu vực chôn cất; số lượng hài cốt (nếu là mộ tập thể), ...
- Tính pháp lý của mộ chí (mô tả thông tin về sơ đồ): Người vẽ, thời điểm vẽ, người có thẩm quyền xác nhận (ký tên, đóng dấu).

b) Các bước thực hiện

Các bước vẽ sơ đồ mộ chí như sau:

- Lựa chọn điểm tham chiếu của sơ đồ.

Đây là điểm được chọn là điểm gần trung tâm của khu mộ nhất, có thể xác định vị trí tương đối chính xác trên bản đồ và thực địa.

- Đứng ở điểm tham chiếu, có thể dùng một trong số các phương tiện, thiết bị như máy định vị vệ tinh GPS cầm tay, la bàn, bản đồ địa hình, ... xác định hướng Bắc, định hướng bản vẽ theo hướng Bắc và giữ nguyên hướng.

- Đánh dấu ở giữa bản vẽ vị trí đang đứng.

- Vẽ các hướng từ vị trí đứng đến các vật chuẩn.

- Ước lượng khoảng cách từ vị trí đứng đến các địa vật và đánh dấu trên bản đồ vẽ (cần tính toán tỷ lệ cho phù hợp để các địa vật nằm hoàn toàn trên bản vẽ).



- Xác định hướng và khoảng cách đến phần mộ gần nhất và vẽ lên bản vẽ.
- Xác định vị trí các phần mộ khác so với phần mộ ban đầu và vẽ lên bản vẽ.
- Viết các mô tả về khu vực mộ chí trên bản vẽ, kiểm tra và chỉnh sửa lại bản vẽ để đảm bảo tính thống nhất giữa bản vẽ và thực địa.
- Đánh dấu các phần mộ trên bản vẽ theo thứ tự.
- Lập danh sách liệt sĩ tương ứng với các phần mộ trong sơ đồ mộ chí.
- Điền ghi chú trên bản vẽ.
- + Vị trí của bản vẽ trên bản đồ (tên mảnh bản đồ, tỷ lệ, số hiệu mảnh, cơ quan thành lập và phát hành);
- + Họ tên người vẽ (cơ quan công tác, quê quán, điện thoại liên hệ, thời điểm vẽ,...).

* Trường hợp đã có sơ đồ mộ chí: Sơ đồ mộ chí cũ là tài liệu vô cùng quý giá để xác định vị trí các khu vực chôn cất và vị trí từng phần mộ. Đi kèm với sơ đồ là danh sách các liệt sĩ được chôn cất. Đây là thông tin tin cậy để phục vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ. Tuy nhiên, do điều kiện chiến trường khốc liệt, địa hình thay đổi theo thời gian nên việc xác định các khu vực chôn cất trên thực địa gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, trước khi vẽ sơ đồ mộ chí cần thực hiện các công việc sau:

- Sao bản sơ đồ mộ chí gốc, sử dụng bản sao, lưu giữ bản gốc.
 - Thực hiện đối chiếu thông tin, tìm kiếm và xác thực trên thực địa vị trí từng khu mộ và phần mộ theo danh sách đi kèm.
 - Xác định tọa độ khu vực mộ chí trên bản đồ và đánh dấu.
- Vẽ sơ đồ mộ chí ở thời điểm hiện tại.

Do khu vực mộ chí đã được xác định trên bản đồ bằng tọa độ nên sơ đồ mộ chí hiện tại chỉ cần tập trung vào phần mô tả đường đến khu vực mộ chí, các địa vật định hướng xung quanh và vị trí các phần mộ.

- * Đối với trường hợp vẽ mới sơ đồ mộ chí
- Dựa vào các thông tin được cung cấp, thực hiện việc tìm kiếm và xác thực trên thực địa.
- Xác định tọa độ khu vực mộ chí trên bản đồ và đánh dấu.
- Vẽ sơ đồ mộ chí ở thời điểm hiện tại.

(mẫu vẽ sơ đồ mộ chí xem phụ lục 3 kèm theo)

* Lưu ý: Trên sơ đồ mộ chí cần ghi chú chi tiết hơn về địa danh cũ và địa danh hiện tại; mô tả chi tiết sự thay đổi của địa hình, địa vật.

2. Thống kê lập danh mục tài liệu

a) Khu vực, địa bàn có mộ liệt sĩ, đã tìm kiếm, quy tập xong

- Sơ đồ mộ chí trước khi quy tập;
- Sơ đồ mộ chí sau khi quy tập;
- Tọa độ khu vực mộ chí trước và sau khi quy tập trên bản đồ;
- Lập danh sách liệt sĩ đã quy tập kèm theo sơ đồ mộ chí.

b) Khu vực, địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ, đã tìm kiếm, quy tập nhưng chưa hết cần phải tìm kiếm quy tập tiếp.

- Sơ đồ mộ chí trước khi quy tập;

- Sơ đồ địa hình hiện tại của khu vực đã tìm kiếm, quy tập. Ghi chú số lượng mộ liệt sĩ cần tiếp tục quy tập (dự kiến số lượng);

- Sơ đồ mộ chí đối với các phần mộ đã quy tập;

- Tọa độ khu vực sơ đồ mộ chí trước và sau khi quy tập trên bản đồ;

- Lập danh sách liệt sĩ đã quy tập kèm theo sơ đồ mộ chí.

c) *Khu vực địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ nhưng chưa tổ chức tìm kiếm, quy tập.*

- Sơ đồ mộ chí gốc;

- Sơ đồ mộ chí hiện tại;

- Tọa độ khu vực mộ chí trên bản đồ;

- Lập danh sách liệt sĩ chưa quy tập kèm theo sơ đồ mộ chí.

d) *Khu vực địa bàn đã tìm kiếm, quy tập nhưng chưa có kết quả*

- Sơ đồ mộ chí gốc;

- Tọa độ khu vực mộ chí trên bản đồ: Trên cơ sở các thông tin hiện có, xác định và khoanh vùng khu vực có thông tin về nơi chôn cất liệt sĩ; sử dụng máy định vị vệ tinh GPS cầm tay để định vị tọa độ hoặc có thể sử dụng bản đồ địa hình để xác định tọa độ gần đúng (tọa độ ô 9);

- Sơ đồ khu vực phán đoán có mộ, khu mộ đã đánh dấu trên bản đồ (thu thập và đánh dấu trên bản đồ tất cả các địa danh cũ và mới trên địa bàn);

- Lập danh sách liệt sĩ kèm theo khu vực dự đoán có mộ, khu mộ.

đ) *Khu vực địa bàn không rõ thông tin (gọi là vùng mờ)*

- Tọa độ khu vực, địa bàn không rõ thông tin (vùng mờ);

- Sơ đồ khu vực, địa bàn không rõ thông tin (vùng mờ) đã đánh dấu trên bản đồ.

3. Tổng hợp danh mục, tài liệu giao nộp

Tổng hợp tài liệu giao nộp theo Hướng dẫn số 2598/HD-BCĐ bao gồm:

3.1. Phiếu cung cấp thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

3.2. Số liệu điều tra thông tin về liệt sĩ (file *.xls hoặc *.doc) theo Phụ lục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7.

3.3. Biên bản kết luận địa bàn.

3.4. Sơ đồ mộ chí, ảnh chụp (mộ liệt sĩ độc lập hoặc nghĩa trang liệt sĩ).

3.5. Maket bản đồ TKQT hài cốt liệt sĩ.

*** Các mẫu biểu:**

- Phiếu cung cấp thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ (Mẫu 01/PTTLS)

- Biên bản Hội nghị kết luận địa bàn (Mẫu 02/BBKLMLS)

- Danh sách liệt sĩ chôn cất ban đầu trên địa bàn (Phụ lục 2.1)

- Danh sách liệt sĩ đã tìm kiếm quy tập trên địa bàn (Phụ lục 2.2)

- Danh sách liệt sĩ chưa tìm kiếm quy tập trên địa bàn (Phụ lục 2.3)

- Danh sách liệt sĩ trong nghĩa trang trên địa bàn (Phụ lục 2.4)

- Danh sách liệt sĩ do hộ gia đình quản lý trên địa bàn (Phụ lục 2.5)

- Tổng hợp số mộ liệt sĩ trong nghĩa trang của địa phương và mộ liệt sĩ bàn giao gia đình quản lý trên địa bàn (Phụ lục 2.6)

- Tổng hợp số liệt sĩ chôn cất ban đầu trên địa bàn (Phụ lục 2.7)

- Danh sách xác minh không hy sinh, chôn cất trên địa bàn (Phụ lục 2.8)

- Danh sách mộ liệt sĩ đã được quy tập bàn giao đi địa phương khác (Phụ lục 2.9)

- Tổng hợp kết quả kết luận địa bàn (Phụ lục 2.10)

* Lưu ý: Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 chỉ thể hiện ranh giới địa chính tới cấp xã, phường, thị trấn, do đó ở bản đồ tìm kiếm, quy tập cấp xã không thể hiện chính xác được khu vực, địa bàn tìm kiếm, quy tập theo đối tượng vùng mà thống nhất sử dụng bằng ký hiệu bản đồ (05 cấp).

Nhận được Hướng dẫn, đề nghị lãnh đạo UBND các xã, phường quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện; nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Ban CHQS thành phố để tổng hợp, hướng dẫn giải quyết. /.

Nơi nhận:

- UBND TP (C/đạo);
- Phòng LĐ-TB & XH TP (Phối hợp C/đạo);
- Công an, Trung tâm TT-VH TP (Phối hợp C/đạo);
- Hội CCB, Hội NCT, Ban QLNT TP (Phối hợp C/đạo);
- Ban TM, CT-Ban CHQS TP (T/hiện);
- Ban CHQS 11 xã, phường (T/hiện);
- Lưu: VT, CS; H20h_u

CHÍNH TRỊ VIÊN



Thượng tá Trần Anh Tuấn

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ LIỆT SĨ, MỘ LIỆT SĨ

(Ngoài các nghĩa trang liệt sĩ hiện nay)

I. NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Địa chỉ liên hệ:Điện thoại:.....
- Hộ khẩu thường trú:
- Lý do biết thông tin phần mộ (hài cốt) liệt sĩ:

II. NỘI DUNG THÔNG TIN VỀ LIỆT SĨ, MỘ LIỆT SĨ

- Họ và tên liệt sĩ:Năm sinh:
 - Tên khác:Bí danh:
 - Quê quán:
 - Đơn vị khi hy sinh (c/d/e/f)::Hòm thư:
 - Cấp bậc khi hy sinh:Chức vụ khi hy sinh:
 - Thời gian hy sinh:Trường hợp hy sinh:
 - Đối tượng hy sinh (Bộ đội, TNXP, du kích):
 - Hy sinh tại:
 - Nơi an táng (chôn cất) ban đầu: Thôn (bản), xã, huyện, tỉnh:
- (mô tả đặc điểm nơi an táng ban đầu khu vực, địa danh trước kia và hiện nay)*
-

- Đặc điểm ngôi mộ, khu mộ (hình dáng, số lượng):
 - Trường hợp phát hiện mộ liệt sĩ tập thể ghi rõ *(Là mộ tập thể, thời gian chôn cất, phương thức an táng, đối tượng an táng)*:
-

- Vẽ sơ đồ mộ chí an táng (nếu có kèm theo):
- Thông tin khác *(những thông tin có liên quan đến mộ liệt sĩ)*:

.....

- Họ và tên địa chỉ người cùng biết nơi an táng (chôn cất) liệt sĩ (nếu có):

.....Điện thoại liên hệ:

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....

XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG THÔN NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

* Ghi chú: *Phiếu này chỉ cung cấp thông tin liệt sĩ, mộ liệt sĩ chưa được quy tập vào nghĩa trang liệt sĩ. Biết thông tin nào thì kê khai thông tin đó, chưa biết để trống.*

UBND.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-KLMLS

BIÊN BẢN
Hội nghị kết luận địa bàn

Tiến hành vào hồi.....giờphút, ngày..... tháng.....năm 20....., tại

*** Thành phần gồm:**

- Chủ trì Hội nghị:
- Thư ký Hội nghị:
- Đại biểu:

*** Nội dung Hội nghị:** Kết luận thông tin nơi hy sinh, chôn cất ban đầu liệt sĩ trên địa bàn, phục vụ lập bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

1. Chủ trì Hội nghị quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp tiến hành Hội nghị, hướng dẫn thảo luận.

2. Hội nghị thảo luận:

- Ý kiến 1:
- Ý kiến 2:
-
-
-

3. Kết luận Hội nghị:

- Tổng số ý kiến tham gia:
- Thống nhất kết luận:
 - a) Danh sách (tổng số) liệt sĩ, chôn cất ban đầu trên địa bàn:; Trong đó:
 - Số lượng liệt sĩ của địa phương:
 - Số lượng liệt sĩ của đơn vị khác:
 - b) Số lượng mộ (hài cốt) liệt sĩ đã tìm kiếm, quy tập trên địa bàn:
 - c) Số lượng mộ liệt sĩ chưa tìm kiếm quy tập mộ trên địa bàn:

d) Khu vực địa bàn có mộ liệt sĩ đã tìm kiếm quy tập xong:

- Ghi rõ địa danh đã tìm kiếm, quy tập xong:

.....
- Tổng số mộ (hài cốt) liệt sĩ đã tìm kiếm quy tập được:

.....
+ Đã đưa vào nghĩa trang liệt sĩ địa phương (tổng số mộ, hài cốt, thời gian quy tập, có sơ đồ quy tập hay không):

.....
+ Đưa về gia đình quản lý, chăm sóc tổng số mộ, (hài cốt, thời gian quy tập, có sơ đồ quy tập hay không):

.....
+ Đã bàn giao địa phương, nghĩa trang khác (tên địa phương, nghĩa trang, tổng số mộ (hài cốt) thời gian quy tập, bàn giao; có sơ đồ quy tập hay không):

.....
đ) Khu vực địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ, đã tìm kiếm quy tập nhưng chưa hết, cần phải tìm kiếm quy tập tiếp:

- Ghi rõ địa danh đã tìm kiếm, quy tập nhưng còn mộ liệt sĩ cần tiếp tục tìm kiếm, quy tập:

.....
- Dự kiến số mộ liệt sĩ cần tiếp tục tìm kiếm, quy tập:

.....
e) Khu vực, địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ nhưng chưa tổ chức tìm kiếm quy tập.

- Ghi rõ địa danh có thông tin mộ liệt sĩ nhưng chưa tổ chức tìm kiếm, quy tập:

.....
g) Khu vực địa bàn đã tìm kiếm, quy tập nhưng chưa có kết quả.

- Ghi rõ địa danh khu vực, địa bàn đã tìm kiếm, quy tập nhưng chưa có kết quả:

.....
i) Khu vực, địa bàn có thông tin mộ liệt sĩ nhưng chồng lấn địa giới hành chính với địa phương khác (nếu có).

- Ghi rõ địa danh, tọa độ:

.....
- Số lượng mộ (hài cốt) liệt sĩ trong khu vực, địa bàn đó:

4. Ý kiến đề nghị, đề xuất

.....
Biên bản đã thông qua hội nghị và kết thúc vào hồi giờ phút, ngày..... tháng năm 20.....

Biểu quyết:/.....=.....%.

Biên bản Hội nghị được lập thành (.....) bản; một (01) bản gửi....., một (01) bản lưu tại

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ

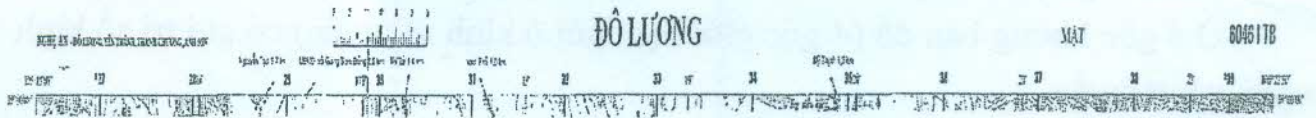
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 1: Hướng dẫn đọc bản đồ và xác định vị trí đứng trên bản đồ

1. Đọc thông tin trên bản đồ và xác định tọa độ

Mỗi mảnh bản đồ bao gồm hai phần chính: Nội dung biểu thị địa hình, địa vật trong khung và ghi chú ngoài khung. Khung là để trang trí bản đồ, các ghi chú ngoài khung nhằm giải thích, thuyết minh và hướng dẫn cho người dùng. Vì vậy khi sử dụng bản đồ cần phải nắm được ý nghĩa và nội dung các ghi chú đó.

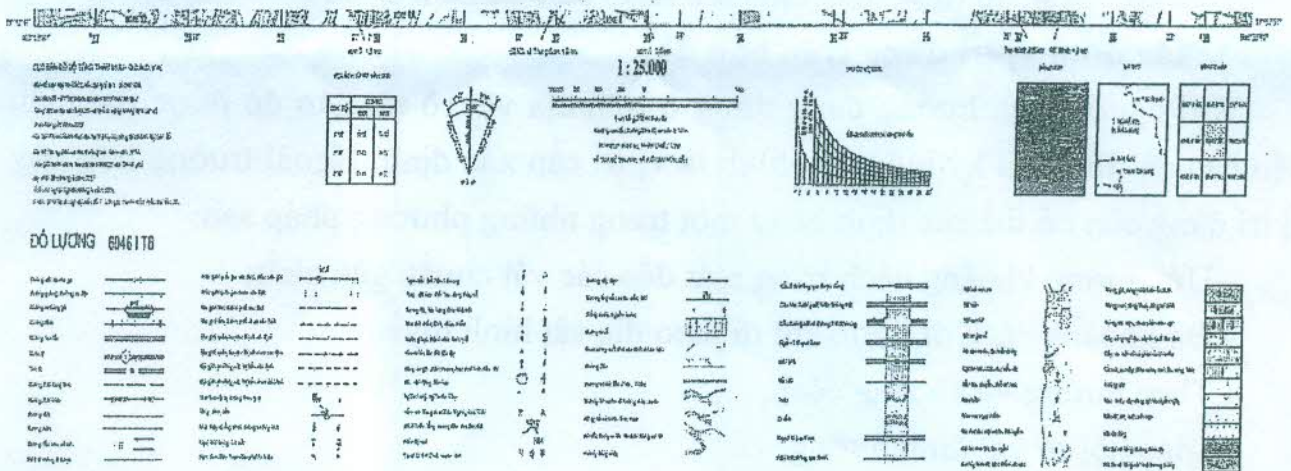
a) Phía Bắc khung bản đồ:



Khung Bắc của bản đồ UTM gồm các nội dung:

- Tên mảnh bản đồ;
- Số hiệu mảnh bản đồ;
- Danh hiệu vị trí địa dư;
- Độ mật;
- Thước đo trị số góc lệch nam châm của mảnh bản đồ.

b) Phía Nam khung bản đồ gồm:



- Số tỷ lệ và thước tỷ lệ: Số tỷ lệ và thước tỷ lệ ghi chú ngay chính giữa phía ngoài khung nam bản đồ.
- Bên dưới thước tỷ lệ là ghi chú khoảng cao đều của đường bình độ cơ bản dưới đó ghi cơ sở toán học của bản đồ (Hệ tọa độ, độ cao, Elipsoid).
- Phía bên phải số tỷ lệ là một thước đo độ dốc. Phía dưới thước ghi chú hướng dẫn cách sử dụng thước để đo các sườn dốc căn cứ vào giãn cách hai đường bình độ trên bản đồ. Kế tiếp là lược đồ hành chính và sơ đồ các điểm cao.
- Sơ đồ bảng chấp ngoài cùng bên phải.

- Bên trái số tỷ lệ ghi chú sơ đồ góc lệch nam châm và các chú dẫn về trị số góc lệch nam châm cũng như phương hướng kim nam châm trên mảnh bản đồ.

- Tận cùng phía bên trái là phần ghi chú cơ quan xuất bản, lần và năm xuất bản, nguồn gốc tư liệu để biên tập và chế in bản đồ. Căn cứ vào các ghi chú này người dùng có thể đánh giá được trình độ, giá trị về độ chính xác của bản đồ.

- Phía dưới là phần chú dẫn và giải thích các ký hiệu thông thường của bản đồ.

c) Phía ngoài khung

- Ở 4 góc khung bản đồ (4 góc giới hạn lưới ô kinh vĩ tuyến) có ghi trị số kinh tuyến và vĩ tuyến.

- Trên các đường khung lưới ô vuông bản đồ kẻ cắt ngang qua thành những mốc ô vuông 4 xung quanh khung. Trên các mốc ô vuông đó ghi trị số các đường ô vuông tính bằng km và các mốc kinh, vĩ tuyến cách nhau 1'.

- Ở những mảnh bản đồ nằm trong phạm vi cách mép phía Tây của mỗi dải chiếu đồ 0 30', trên đường khung đen còn vẽ thêm những mốc và ghi chú trị số km lưới ô vuông dải bên cạnh. Khi cần thiết sử dụng để tiếp nối với lưới ô vuông của các mảnh tiếp giáp thuộc dải bên cạnh chỉ việc dùng thước thẳng nối những mốc ô vuông đó lại với nhau (mục này chỉ có trên tờ bản đồ nằm ở địa múi chiếu).

2. Xác định vị trí đứng trên bản đồ

Khi người định hướng đang đứng ở trên địa vật rõ rệt nào đó được thể hiện trên bản đồ thì vị trí ký hiệu đó chính là vị trí cần xác định. Ngoài trường hợp này vị trí đứng còn có thể xác định bằng một trong những phương pháp sau:

- Ước lượng khoảng cách bằng mắt đến các vật chuẩn gần nhất;

- Đo khoảng cách đi được khi đi theo địa vật hình tuyến;

- Theo hướng và khoảng cách;

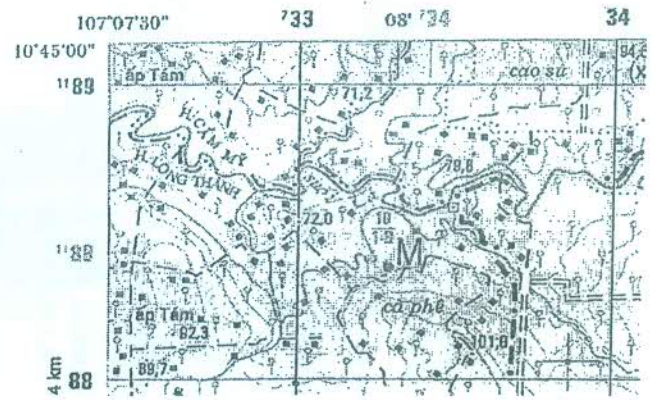
- Giao hội từ vật định hướng.

Mỗi phương pháp được lựa chọn tùy thuộc vào địa hình, tầm nhìn, thời gian và độ chính xác cần thiết.

3. Xác định tọa độ trên bản đồ địa hình

- Xác định tọa độ khái lược:

Tọa độ khái lược của một điểm là giá trị lưới ô vuông phía nam kết hợp với giá trị lưới ô vuông phía tây của điểm đó. Ví dụ: tọa độ khái lược của điểm M trong hình là M(8833).



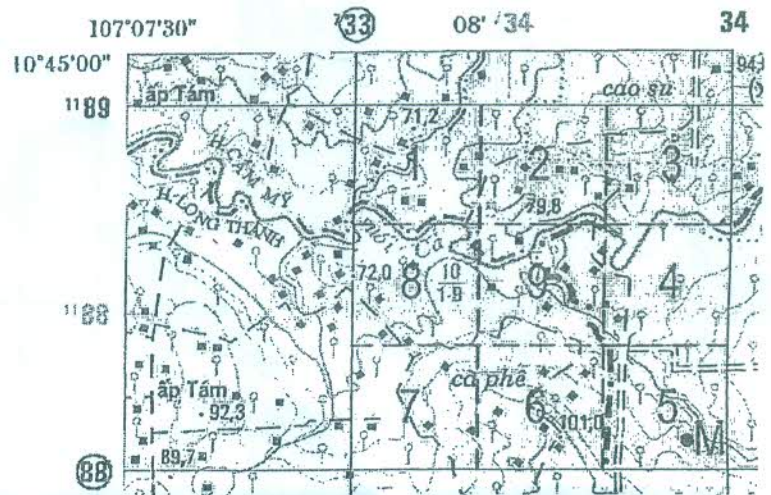
- Xác định tọa độ ô 9:

Để xác định tọa độ ô 9 của điểm M tiến hành như sau:

- Chia ô vuông km chứa điểm ra thành 9 phần và ký hiệu theo chiều kim đồng hồ vào tâm, bắt đầu từ góc tây bắc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9;

- Xác định tọa độ khái lược của điểm M;

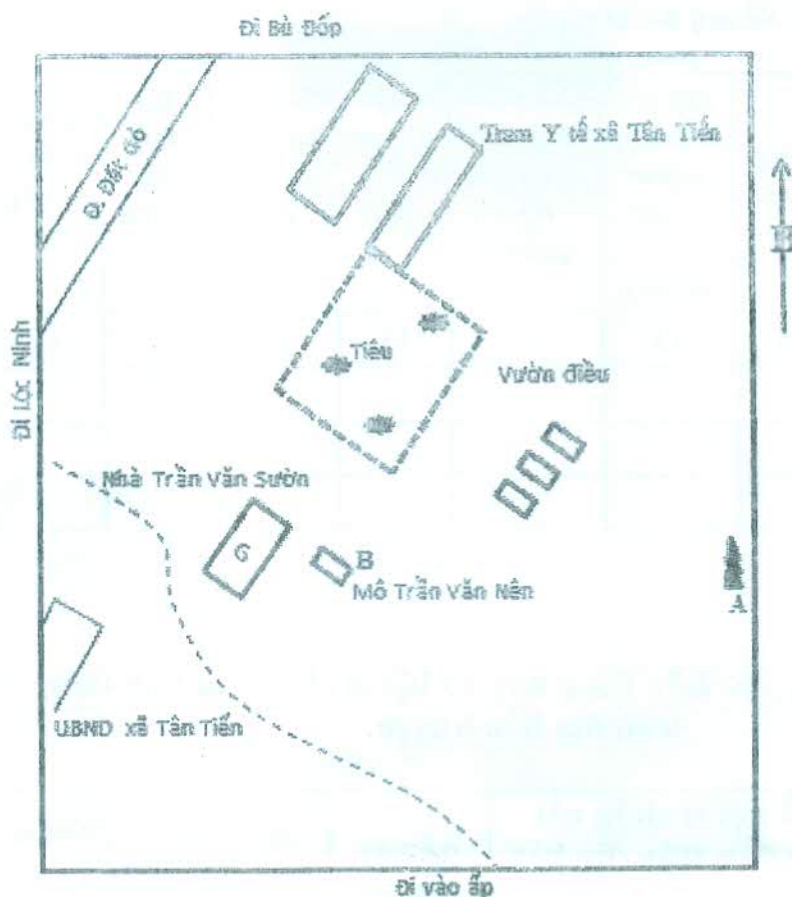
- Giá trị tọa độ ô 9 của điểm M là: giá trị tọa độ khái lược của điểm M, kết hợp với ký hiệu của ô vuông nhỏ chứa điểm M. Ví dụ: tọa độ điểm M trong hình là M(8833 5).



Hình 1: Vị trí điểm M trên bản đồ

Phụ lục 3: MẪU SƠ ĐỒ MỘ CHỈ

1. SƠ ĐỒ



2. MÔ TẢ: Từ thị trấn Lộc Ninh đi xe ô tô tới UBND xã Tân Tiến khoảng 30km, rẽ trái vào khu mộ, đi bộ khoảng 200m (Khu mộ nằm trong vườn điều nhà anh Trần Văn Suồn).

Ghi chú: A – cây gòn rừng, ở phía Đông, cách 60m; B – mộ Trần Văn Nền, phía Tây Nam cách 58m

3. THÔNG TIN VỀ KHU MỘ:

- Tên khu mộ:
- Địa chỉ (Thôn, xã, huyện, tỉnh):
thôn Tân Bình, xã Tân Tiến, huyện Lộc Ninh, tỉnh Tây Ninh

- Tọa độ khái lược (ô 9): 8833-6
- Tọa độ GPS:
- Thuộc mảnh bản đồ: 6430-IV-IB
- Tổng số mộ: 03
- Năm chôn cất liệt sỹ: 1975
- Hiện trạng khu mộ:

4. THÔNG TIN VỀ NHÂN CHỨNG:

- Họ và tên: *Trần Văn Suồn*
- Ngày tháng năm sinh: *1967*
- Địa chỉ: *thôn Tân Bình, xã Tân Tiến, huyện Lộc Ninh, tỉnh Tây Ninh*
- Số điện thoại liên hệ: *0983324xxx*
- Lý do biết thông tin về mộ liệt sỹ:
- Người cung cấp thông tin:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại liên hệ:

XÁC NHẬN CỦA ĐỊA PHƯƠNG
TỔ TRƯỞNG
TM. UBND XÃ
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

5. NGƯỜI VẼ: Nguyễn Văn A; ĐT:

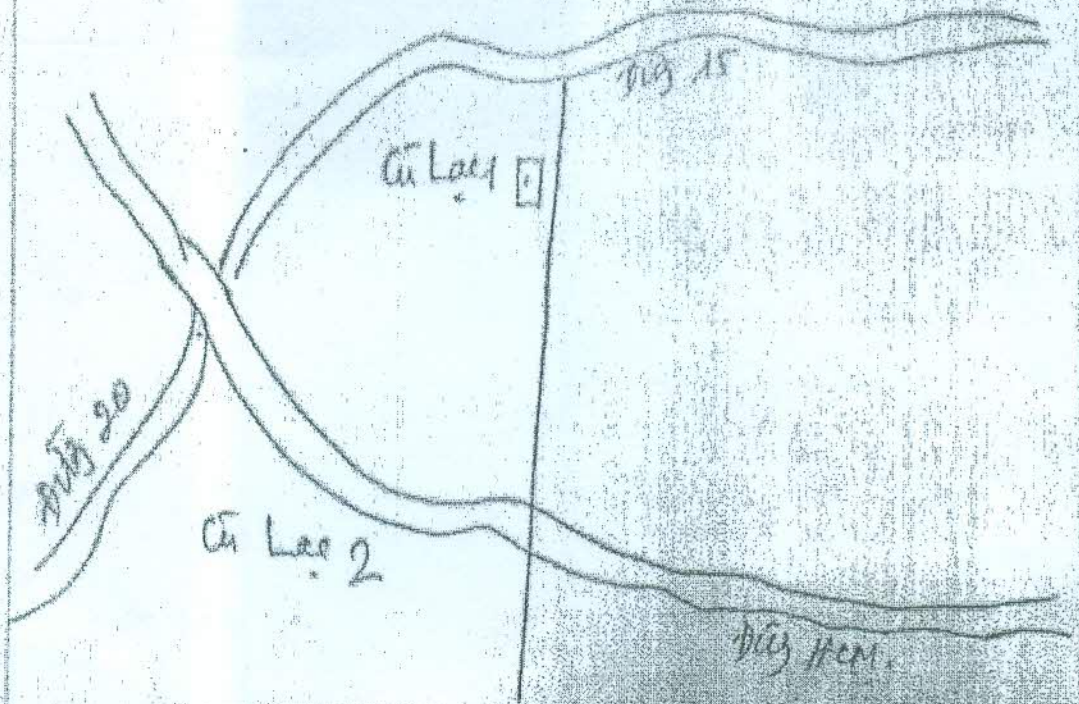
Nguyễn Văn A

Nguyễn Văn B

Đơn vị:

PHỤ LỤC: MẪU VẼ SƠ ĐỒ MỘ CHỈ

1. SƠ ĐỒ 3/3 km.



2. MÔ TẢ:

Từ ngã Hầm rẽ phải vào thôn Củ Lọc 1. Nghìn chữ vuông gần chủy gần thùy. Vị trí ngôi mộ ở Hẻm đường 2 / Hẻm Cắt bìa rẽ ngưỡn đừ Hẻm Củ Lọc 2 Mộ hướng quờ Hầm Hầm.

3. THÔNG TIN VỀ KHU MỘ:

- Tên khu mộ: Mộ liệt sĩ Quảng
 - Địa chỉ: Mộ đá trước cắt bìa rẽ Hầm Củ Lọc 1

- Tọa độ khả lược (ô D): 48 48 E
 - Tọa độ GPS: 48 48 40 594
 - Thuộc mảnh bản đồ số:
 - Tổng số mộ: 1
 - Năm chôn cất liệt sĩ:
 - Tên vùng khu mộ:

4. THÔNG TIN VỀ NHÂN CHỨNG:

- Họ và tên: Trần Văn Chín
 - Ngày, tháng, năm sinh:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại liên hệ: 091.8919992
 - Lý do biết thông tin về mộ liệt sĩ:
 - Người cung cấp thông tin:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại liên hệ:

XÁC NHẬN CỦA HẠ PHƯƠNG
 (CHỖ CHỮ KÝ)
 (CHỖ CHỮ KÝ)
 (CHỖ CHỮ KÝ)
 (CHỖ CHỮ KÝ)

